

Bản án số: 34/2024/DS - ST

Ngày: 05 – 02 – 2024

*“V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản
do người chết để lại”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N1, THÀNH PHỐ C1

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai Hồng**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N1, thành phố C1 tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận N1 tiến hành xét xử sơ thẩm C3 khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc *“Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1013/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Dương Thúy P**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 20A2 N, T, phường C, quận N1, thành phố C1.

Đại diện ủy quyền: Ông **Trần Lâm S**, sinh năm 1961 (*VBUQ ngày 18/4/2022*).

Địa chỉ: 29B đường số 3, KDC H, phường A, quận N1, thành phố C1.

- *Bị đơn*:

Ông **Huỳnh Văn C2**, sinh năm 1957.

Ông **Huỳnh Minh C3**, sinh năm 1982

Địa chỉ: 4/28C đường B, phường T, quận N1, thành phố C1.

Ông **Huỳnh Minh T2**, sinh năm 1977 (Chấp hành án tại Trại giam T1) – có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: 14/32 B, phường T, quận N1, thành phố C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 05/7/2018, bà Nguyễn Thị N2 – là vợ của ông Huỳnh Văn C2 và là mẹ của Huỳnh Minh C3, Huỳnh Minh T2 có vay của bà P số tiền 60.000.000 đồng, nói rằng bổ sung vốn làm ăn. Do quen biết với nhau nên nguyên đơn đã cho vay, có làm Hợp đồng vay tiền ngày 05/7/2018, có thỏa thuận lãi vay và thời hạn vay là 03 năm, đóng lãi hàng tháng. 05 tháng sau tức là ngày 08/01/2019, bà N2 lại yêu cầu vay mượn số tiền 100.000.000 đồng. Do thấy số tiền vay mượn trước đây bà N2 đóng lãi đầy đủ hàng tháng và có giao cho nguyên đơn giữ giấy tờ nhà đất để làm tin nên nguyên đơn đồng ý cho vay thêm. Vì số tiền nhiều nên cả hai đã đến VPCC để lập hợp đồng vay tiền. Sau khi vay lần 2 bà N2 đóng lãi được vài tháng thì dịch bệnh xảy ra, bà N2 có báo với nguyên đơn tình hình khó khăn nên yêu cầu được ngưng trả lãi và bà cố gắng thu hồi vốn trả lại cho nguyên đơn nên nguyên đơn đồng ý. Thời gian sau bên nguyên đơn biết được bà Nguyễn Thị N2 đã chết vì bệnh. Sau đó nguyên đơn có gặp ông Huỳnh Văn C2 để trao đổi về việc trả nợ nhưng không thỏa thuận được.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2022 nguyên đơn khởi kiện bị đơn Huỳnh Văn C2 và Huỳnh Minh C3 do không biết được bà N2 còn một người con ruột là Huỳnh Minh T2, sau đó nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án đưa thêm ông Huỳnh Minh T2 tham gia tố tụng.

Nay bà Dương Thúy P khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn C2, Huỳnh Minh C3 và Huỳnh Minh T2 phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết – bà Nguyễn Thị N2 để lại với số tiền khởi kiện là 160.000.000 đồng trong phạm vi về tài sản do bà N2 để lại, bao gồm căn nhà và đất theo GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 379183 (số vào sổ cấp GCN: CH01369) do UBND quận N1, thành phố C1 cấp ngày 25/02/2014 do ông Huỳnh Văn C2 và bà Nguyễn Thị N2 đứng tên đồng sở hữu. Bà P không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn C2 trình bày ý kiến:*

Hiện nay ông là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ 1 của bà N2. Ông và bà N2 là vợ chồng, có tất cả 02 người con là Huỳnh Minh T2 (đang chấp hành án) và Huỳnh Minh C3. Cha mẹ ruột của bà N2 đã chết từ lâu, bà N2 không có con nuôi hay con riêng. Bà N2 chết ngày 24/12/2021. Lúc còn sống vợ ông có vay mượn tiền của bà P như thế nào ông không biết, việc vợ ông lấy tài sản chung là GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 379183 (số vào sổ cấp GCN: CH01369) do UBND quận N1, thành phố C1 cấp ngày 25/02/2014 do ông Huỳnh Văn C2 và bà Nguyễn Thị N2 đứng tên đồng sở hữu để thế chấp cho bà P ông không biết. Nay bà P đòi nợ 160.000.000 đồng theo hai hợp đồng vay tài sản, ngày 05/7/2018 với số tiền

60.000.000 đồng, ông và hai con đồng ý trả số tiền này nhưng chỉ đồng ý trả nợ gốc, không đồng ý trả nợ lãi.

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2019 với số tiền 100.000.000 đồng mà vợ ông vay của bà P ông không đồng ý trả với lý do: vợ ông đã dấu ông vay tiền nên ông không đồng ý.

** Bị đơn ông Huỳnh Minh C3 trình bày ý kiến:*

Thống nhất với phần trình bày của bà ông là Huỳnh Văn C2.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2023 bị đơn ông Huỳnh Minh T2 trình bày:*

Ông xác định cha là Huỳnh Văn C2, mẹ là Nguyễn Thị N2. Ông hiện đang chấp hành án tại Bình Phước nên không có ý kiến gì về vụ kiện của bà Dương Thúy P. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do điều kiện đang chấp hành án nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong tất cả các phiên hòa giải, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có).

Tại phiên tòa hôm nay:

1. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn liên đới trả nợ gốc 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn thống nhất khi các bị đơn hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ bên nguyên đơn sẽ trả lại bản chính của GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 379183 (số vào sổ cấp GCN: CH01369) do UBND quận N1, thành phố C1 cấp ngày 25/02/2014 do ông Huỳnh Văn C2 và bà Nguyễn Thị N2 đứng tên đồng sở hữu.

2. Các bị đơn ông Huỳnh Văn C2, Huỳnh Minh C3 vẫn giữ ý kiến theo biên bản hòa giải ngày 25/12/2023, cụ thể:

Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không vay tiền và nhà ở hiện nay là chỗ ở duy nhất cho cả gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N1 phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:* Thẩm phán được phân C3 thụ lý giải quyết vụ án đã thực quy định tại Điều 26 về thẩm quyền giải quyết vụ án, Điều 68, về tư cách tham gia tố tụng Điều 195, 196 về trình tự thụ lý và giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định, vụ án chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự thì nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N1 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thúy P: Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N2 gồm ông Huỳnh Văn C2, Huỳnh Minh C3 và Huỳnh Minh T2 phải có trách nhiệm liên đới phải trả cho bà Dương Thúy P số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng trong phạm vi giá trị tài sản do bà Nguyễn Thị N2 để lại, không yêu cầu tính lãi.

Khi những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Dương Thúy P, buộc bà Dương Thúy P phải trả lại bản chính của GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 379183 (số vào sổ cấp GCN: CH01369) do UBND quận N1, thành phố C1 cấp ngày 25/02/2014 do ông Huỳnh Văn C2 và bà Nguyễn Thị N2 đứng tên đồng sở hữu cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra C3 khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Huỳnh Minh T2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Huỳnh Minh T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:*

Giữa nguyên đơn và bà Nguyễn Thị N2 khi bà N2 còn sống có giao dịch vay mượn thể hiện bằng “Hợp đồng vay tài sản” và “Hợp đồng vay tiền”, bà Nguyễn Thị N2 khi còn sống không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên khi bà N2 chết, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N2 phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại thanh toán nợ gốc. Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và do các bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn quận N1, thành phố C1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N1, thành phố C1 theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thời hiệu:

Bà Nguyễn Thị N2 chết ngày 24/12/2021, nguyên đơn bà Dương Thúy P có đơn khởi kiện yêu cầu những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N2 thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà N2 chết để lại ngày 19/4/2022 là còn thời hiệu theo quy định tại khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc nguyên đơn bà Dương Thúy P đã cho bà Nguyễn Thị N2 vay, các giao dịch vay mượn thể hiện bằng “Hợp đồng vay tài sản ngày 05/7/2018” với số tiền vay là 60.000.000 đồng và “Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2019” được lập tại VPCC Lê Cẩm Lành, số C3 chứng 141, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD với số tiền vay 100.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị N2 ký tên vào 02 hợp đồng nêu trên.

Tại Hợp đồng vay tài sản ngày 05/7/2018 phía bị đơn bà Nguyễn Thị N2 đã thế chấp cho nguyên đơn 01 bản chính của GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 379183 (số vào sổ cấp GCN: CH01369) do UBND quận N1, thành phố C1 cấp ngày 25/02/2014 do ông Huỳnh Văn C2 và bà Nguyễn Thị N2 đứng tên đồng sở hữu. Tại Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2019, được lập tại VPCC Lê Cẩm Lành, số C3 chứng 141, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 BLTTDS năm 2015. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn bà Dương Thúy P đã xuất trình được 02 hợp đồng vay tiền gốc. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và bà Nguyễn Thị N2 đối với số tiền 160.000.000 đồng là có thật;

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thúy P về việc yêu cầu những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N2 gồm: *ông Huỳnh Văn C2 (chồng), Minh Minh C3 và Huỳnh Minh T2 (02 con ruột)* phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà N2 chết để lại cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào chứng cứ Trích lục khai tử số 471/TLKT-BS ngày 24/12/2021 của UBND phường T, quận N1, thành phố C1 thể hiện bà Nguyễn Thị N2 đã chết vào ngày 24/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án xác định bà Nguyễn Thị N2 chết để lại tài sản sau: *QSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 379183 (số vào sổ cấp GCN: CH01369) do UBND quận N1, thành phố C1 cấp ngày 25/02/2014 do ông Huỳnh Văn C2 và bà Nguyễn Thị N2 đứng tên đồng sở hữu, tài sản thuộc thừa đất số: 192, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại 4/28C đường B, phường T, quận N1, thành phố C1.*

Như vậy, tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì toàn bộ QSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vừa nêu trên là di sản của bà Nguyễn Thị N2 để lại thuộc

di sản thừa kế theo pháp luật cho các bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào Điều 613 Bộ luật dân sự năm 2015 thì:

1. *Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;*

2. *Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.*

3. *Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

4. *Trường hợp người thừa kế không phải là cá nhân hưởng di sản theo di chúc thì cũng phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại như người thừa kế là cá nhân.*

Do đó cần buộc những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N2 gồm ông Huỳnh Văn C2 (chồng), Minh Minh C3 và Huỳnh Minh T2 (02 con ruột) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho bà Dương Thúy P trong phạm vi di sản thừa kế của bà N2 để lại là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích vừa nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trình bày của bị đơn ông C2, ông C3 là không có căn cứ.

Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhận dân quận N1, thành phố C1 là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền nợ gốc phải trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, trong vụ án này bị đơn ông Huỳnh Văn C2 sinh năm 1957 là đối tượng người cao tuổi. Do vậy, căn cứ vào quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông C3 vừa nêu trên. Riêng bị đơn ông Huỳnh Minh T2, Huỳnh Minh C3 phải chịu án phí tương ứng với tỉ lệ 1/3 nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, cụ thể: Án phí phải trả cho 1/3 tỉ lệ nợ gốc: $160.000.000 \text{ đồng} / 3 = 53.333.333 \text{ đồng}$, án phí tương ứng là 2.666.666 đồng (hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)/01 bị đơn.

Nguyên đơn bà Dương Thúy P được nhận lại 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001953 ngày 20/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N1, thành phố C1.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 136, Điều 613, Điều 615, Điều 623 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thúy P đối với các bị đơn ông Huỳnh Văn C2 (chồng), Minh Minh C3 và Huỳnh Minh T2 (02 con ruột). Buộc ông Huỳnh Văn C2 (chồng), Huỳnh Minh C3 và Huỳnh Minh T2 (02 con ruột) có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thúy P số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị N2 để lại. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N2 đã hoàn thành xong nghĩa vụ về tài sản do bà N2 chết để lại cho nguyên đơn bà Dương Thúy P thì nguyên đơn bà Dương Thúy P phải có trách nhiệm giao trả ngay bản chính của GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 379183 (số vào sổ cấp GCN: CH01369) do UBND quận N1, thành phố C1 cấp ngày 25/02/2014 do ông Huỳnh Văn C2 và bà Nguyễn Thị N2 đứng tên đồng sở hữu cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N2 là ông Huỳnh Văn C2 (chồng), Huỳnh Minh C3 và Huỳnh Minh T2 (02 con ruột).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Văn C2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Huỳnh Minh C3 và ông Huỳnh Minh T2 mỗi người phải chịu án phí là: 2.666.666 đồng (*hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

Nguyên đơn bà Dương Thúy P được nhận lại 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001953 ngày 20/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N1, thành phố C1.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa P.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSNDQNK;
- Chi cục THADSQNK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG